TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG LĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 21/3/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Cần, ông Nguyễn Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Đức Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Lĩnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS, ngày 04/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 04/3/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh T (Có mặt).

Bị đơn: Chị Tống Thị Hồng D, sinh năm 1972; Anh Kiều Đình A, sinh năm 1974; Trú tại: Số nhà A, tổ dân phố B, phường T, thị xã H, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2023; các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Trước đó bà cho vợ chồng anh chị D, A vay nợ. Đến ngày 07/7/2020 hai bên đã tất toán số nợ cũ và lập lại giấy vay nợ mới với số tiền vay là 54.000.000 đồng. Giấy vay tiền do người vay là chị D trực tiếp viết và đều có chữ ký của chị D, anh A. Thời hạn vay hẹn đến khi bà N cần thì anh chị D, A phải trả lại. Tuy nhiên, sau đó bà đã nhiều lần yêu cầu chị D, anh A trả tiền nhưng không được, anh chị còn tỏ thái độ thách thức. Do đó, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh chị D, A phải trả lại cho bà số tiền 54.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu trả tiền lãi

trước đó, tại phiên tòa bà N có yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Tống Thị Hồng D, anh Kiều Đình A trình bày:* Xuất phát số tiền nợ đầu tiên là 50.000.000đ theo giấy vay nợ cũ, giấy này hai bên đã tất toán và hủy để viết lại giấy vay nợ mới ngày 07/7/2020. Giấy vay nợ này do chị D trực tiếp viết, ký tên và anh A trực tiếp ký tên. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng bán đại lý đồ điện ở ki ốt chợ S, thị xã H, thi thoảng bà N vào lấy tiền, khi bà N lấy tiền chị D đã ghi vào sổ, tổng cụ thể bà N đã lấy nợ từ chị D là 32.200.000đ. Nên vợ chồng không chấp nhận số nợ bà N đòi nợ theo giấy vay nợ ngày 07/7/2020 là 54.000.000đ, vợ chồng chỉ xác nhận hiện tại còn nợ bà N là 21.800.000đ.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị D, anh A phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A có đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại phường T, thị xã H, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết, tình cảm với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị N và vợ chồng chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A đã phát sinh việc vay nợ từ trước đó và đến ngày 07/7/2020 thống nhất viết giấy vay số tiền 54.000.000 đồng. Giấy vay nợ này do chị D trực tiếp viết, ký tên và anh A trực tiếp ký tên. Thời hạn vay hẹn đến khi bà N cần thì anh chị D, A phải trả lại. Theo trình bày của bà N đến ngày 15/9/2022 do cần tiền để khoan giếng nên bà N đã đến nhà anh chị D, A đòi lại tiền nhưng anh chị D, A thách thức và không chịu trả nợ nên bà N làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh chị D, A trả nợ cho bà số tiền 54.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu trả tiền lãi trước đó, chỉ yêu cầu tính lãi sau thời điểm Tòa án xét xử.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu là giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị N căn cứ vào giấy vay tiền bản gốc đề ngày 07/7/2020, có chữ ký của người vay là chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A hẹn đến khi bà N cần thì sẽ trả, không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và trình bày tại phiên tòa chị D, anh A cũng thừa nhận giấy vay tiền này là do chị D trực tiếp viết tay và ký tên còn chữ ký Kiều Đình A là do anh A trực tiếp ký vào. Tại thời điểm viết giấy vay tiền các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc vay cho vay đều hoàn toàn tự nguyện và được lập thành văn bản. Về số tiền vay: Tại giấy vay tiền ghi rõ "Tôi là Tống Thị Hồng D, chồng là Kiều Đình A có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 54 triệu đồng, hẹn đến khi bà N cần thì anh chị D, A phải trả lại". Như vậy có căn cứ khẳng định bà N cho anh chị D, A vay số tiền 54.000.000 đồng vào ngày 07/7/2020.

Về số tiền đã trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh chị D, A đều trình bày, số tiền vay của bà N là 54.000.000 đồng nhưng đã nhiều lần bà N lấy nợ từ chị D và số tiền bà N đã lấy là 32.200.000 đồng, hiện vợ chồng chỉ còn nợ 21.800.000 đồng. Tuy nhiên, bà N phủ nhận việc anh A, chị D trả nợ số tiền 32.200.000đ vì số tiền này liên quan đến khoản vay trước đó còn tại thời điểm viết giấy vay nợ ngày 07/7/2020 thì hai bên đã đối chiếu và làm lại giấy vay nợ với số nợ là 54.000.000 đồng, kể từ sau thời điểm viết giấy vay này chị D, anh A chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào. Đối với trình bày của chị D, anh A đã trả cho bà N 32.200.000 đồng nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều không đưa ra được chứng cứ, giấy tờ gì chứng minh cho việc đã trả nợ cho bà N, về sổ lưu do chị D tự ghi chép thì việc trả số tiền 32.200.000đ đều là mốc thời gian trước ngày 07/7/2020. Do đó, không có cơ sở để xem xét việc anh chị D, A đã trả một phần nợ cho bà N kể từ sau ngày 07/7/2020.

Về số tiền lãi: Căn cứ vào giấy vay tiền và lời trình bày của các bên đương sự thì khi cho vay không thỏa thuận lãi suất. Như vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị N với chị Tống Thị Hồng D, anh Kiều Đình A là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ

luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi kể từ khi vay cho đến lúc xét xử sơ thẩm, nhưng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy ý kiến của bà Nguyễn Thị N phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà N sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị N hoàn toàn có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N buộc chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 54.000.000đ (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị đơn chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A phải nộp số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn chị Tống Thị Hồng D và anh Kiều Đình A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Hồng Lĩnh;
- Chi cục THADS thị xã Hồng Lĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạnh